

PHẨM CHẤT NGHỆ SĨ CỦA NGƯỜI TÂY NGUYÊN TRONG VĂN HỌC VIẾT VỀ TÂY NGUYÊN

ĐẶNG VĂN VŨ*

TÓM TẮT

Bài viết làm nổi bật một phẩm chất độc đáo của người Tây Nguyên: phẩm chất nghệ sĩ. Chất nghệ sĩ ấy thể hiện ở việc họ rất thích chơi, họ có năng khiếu đặc biệt về âm nhạc và điêu khắc. Bài viết sẽ giúp người đọc hiểu và yêu mến hơn con người Tây Nguyên.

Từ khóa: Tây Nguyên, phẩm chất nghệ sĩ.

ABSTRACT

The artistic quality of the local people in the literature about the Central Highland

The article highlights a unique quality of people living in the Central Highland: the artistic quality. It is described in how they love to play and have a special talent for music and sculpture. The article would help readers understand and feel deeper affection for the people in the Highland.

Keywords: Highland, artistic quality.

1. Mở đầu

Các tác phẩm văn học viết về Tây Nguyên đã đem đến cho người đọc một sự ngạc nhiên thú vị về đời sống văn hóa, đồng thời cũng khiến người đọc thích thú với vẻ đẹp của con người Tây Nguyên. Đó là vẻ đẹp mặn mòi, khô khốc của những cô sơn nữ với những quan niệm thẩm mỹ độc đáo. Đó là vẻ đẹp vạm vỡ, rắn chắc, tràn đầy sinh lực của những chàng trai; vẻ đẹp vững chãi như “cây xà nu lớn” của các cụ già. Đặc biệt, người đọc sẽ trầm tư nghĩ lại mình khi đối diện với những tính cách, phẩm chất nhân ái, luôn hết mình với người khác và với cộng đồng, được hình thành từ truyền thống tốt đẹp của buôn làng. Giây phút trầm tư đi qua, người đọc lại hứng khởi với những tâm hồn phơi phới chất nghệ sĩ, với đời sống nghệ thuật tràn ngập không gian núi rừng.

2. Chất nghệ sĩ của người Tây Nguyên

Thiên nhiên hoang dã với bao nhiêu bí ẩn kì thú như màn sương mỏng bao phủ trong tâm hồn con người Tây Nguyên. Con người luôn đứng trong thế chênh vênh giữa thực và hư, giữa “cô gái rừng” và “cô gái làng”. Sự giằng co, níu kéo giữa hai thế giới ấy khiến con người không thể chỉ sống với hiện thực mà phải dành thời gian cho một cuộc sống phi hiện thực, tràn đầy sự lãng mạn. Sự lãng mạn đã làm nên chất nghệ sĩ. Chất nghệ sĩ được hấp thụ trong sự phong phú của những điệu nhạc rừng tuôn chảy từ thưở hồng hoang.

2.1. Tâm hồn phóng khoáng

Con người nghệ sĩ ấy thể hiện trước hết ở tâm hồn phóng khoáng, lầy lang thang phiêu bạt làm niềm vui của cuộc đời, không chịu ràng buộc bởi yếu tố vật chất. Trong tác phẩm *Lễ thổi tai và rượu*

* TS, Trường Đại học Sài Gòn

cần, tản mạn nhớ và quên, Nguyễn Ngọc nhân mạnh: “*Nếu có dịp đến Tây Nguyên... bạn nán lại ở chơi với Tây Nguyên dăm ba bữa, được mười ngày nửa tháng càng hay, thì cũng chẳng cần chăm chú lắm đâu, bạn sẽ nhận ra ngay điều này: người đàn ông Tây Nguyên rất thích lang thang*” [6, tr.21]. Còn ở *Tượng gỗ rừng già*, nhà văn cũng nói: “*Tôi ở Tây Nguyên đã lâu, tôi không thấy ai tự do bằng người Ba-na. Có lẽ họ là dân tộc nghệ sĩ nhất trong các dân tộc nghệ sĩ. Ham chơi, thích lang thang, giao du, ca hát và yêu đương*” [6, tr.10]. Không phải đơn giản mà nhà văn đưa ra một nhận xét như vậy về người Tây Nguyên. Núp - người anh hùng của núi rừng Tây Nguyên, con chim đầu đàn trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Tây Nguyên, cũng là con người rất thích lang thang: “*Tôi chẳng lấy làm lạ lắm. Hơn năm mươi năm quen biết nhau, tôi biết tính ông rồi. Cũng như tất cả đàn ông Ba-na, ông không bao giờ chừa được cái tính đi lang thang, như ngọn gió. Gặp đâu ghé đó, vô mục đích. Hay đúng hơn, có một mục đích: lang thang!*” [6, tr.7]. Đến thăm nghệ sĩ Y Yon sau bao nhiêu năm xa cách, nhà văn Nguyễn Ngọc thốt lên: “*Ôi Y Yon của tôi, lại vẫn thế này sao anh? Vẫn Tây Nguyên đến tận đây tâm hồn. Vẫn nghệ sĩ lang bạt kì hồ đến tận máu thịt. Và vẫn nghèo thế suốt đời, công danh chẳng thiết, tiền bạc chẳng xu dính túi, cuộc đời như một cuộc phiêu du bất định...*” [7, tr.187-188]. Nghệ sĩ là người rất thích chơi, tìm cái đẹp trong sự chơi, xem thường những cảm dỗ vật chất. Đối với họ nhu cầu thoả mãn những thú

vui tinh thần lớn hơn thú vui vật chất. Và người Tây Nguyên xưa là *dân tộc nghệ sĩ nhất trong các dân tộc nghệ sĩ*. Ngày nay, trong sự hội nhập với các dân tộc anh em, người Tây Nguyên cũng bị cuốn xoáy trong môi trường “làm ăn” và họ cũng rất thực dụng. Nhưng không vì thế mà họ xao nhãng thú chơi của mình. Trong mùa lễ hội, họ vẫn lang thang, uống rượu, vui chơi đến quên cả thời gian. Có lẽ do sống trong môi trường phóng khoáng của tự nhiên dẫn đến sự phóng khoáng trong tính cách và tâm hồn. Môi trường rừng với sự phong phú của sản vật cùng những bí ẩn đã thôi thúc con người khám phá, chính vì vậy mà người Tây Nguyên có thói quen thích lang thang trong rừng, xem đó là một thú vui lớn. Dần dần, lang thang đã trở thành một lễ sống.

2.2. *Năng khiếu âm nhạc*

Tuy nhiên lang thang phiêu bạt chưa phải là biểu hiện rõ nhất và phong phú nhất của con người nghệ sĩ Tây Nguyên. Đặc điểm nổi bật chính là năng khiếu âm nhạc và điêu khắc, trong đó khả năng âm nhạc là hàng đầu. “*Người Tây Nguyên rất nhạy cảm với nhịp điệu, với sự hài hòa, với cái chung; giai điệu luôn nghèo, chẳng quan trọng lắm đối với họ. Nhưng những yếu tố đó đã đủ làm cho họ trở thành một nhạc sĩ. Họ có năng khiếu nhạc - họ có thể nghe nhạc hàng nhiều giờ - họ ham thích và có cảm quan âm nhạc*” [5, tr.234]. Tâm hồn phong phú thường nhạy cảm với nhịp điệu, nhất là khi nhịp điệu của núi rừng luôn vỗ về cảm xúc của con người. Điều đó khiến “*Người Tây Nguyên rất thích hát: người đàn ông ngồi sưởi bên bếp lửa nhà sàn,*

người đàn bà ru con, trẻ con chơi đùa, mọi người đều hát những bài hát truyền thống” [5, tr.203]. Tiếng hát, tiếng đàn không bao giờ ngừng vang lên trong đời sống, vì vậy nó cũng rất phong phú trong những trang văn xuôi về Tây Nguyên. Các nhà văn phản ánh đặc điểm này như là một bổ sung cho bức chân dung người Tây Nguyên được hoàn thiện hơn. Và nó cũng góp phần làm rõ hơn tính cách của nhân vật - những nhân vật luôn được xây dựng với ý thức ngợi ca. Trong *Đất nước đứng lên*, Nguyên Ngọc rất chú ý miêu tả lĩnh vực âm nhạc và xem đó như là một âm thanh nhẹ nhàng, thanh thoát vút lên giữa bao bộn bề loảng xoảng của vũ khí và của lòng căm thù. Tám bài hát trong tác phẩm như tám khe nước hòa thành một dòng suối ngọt ngào chảy giữa rừng núi dữ dội của cuộc chiến không cân sức giữa làng Kông Hoa đó rách với thực dân Pháp dồi dào lương thực và vũ khí.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ của làng Ma Hơ Giang trong tác phẩm *Hơ Giang* của Y Điêng cũng vô cùng khốc liệt. Nhưng không vì thế mà tiếng hát ngừng cất lên trong sinh hoạt của đồng bào. Gia đình Ma Hơ Giang đến thăm nhà Ma Soa để chuẩn bị làm lễ cưới cho Hơ Giang và Y Soa, Mí Y Soa và Mí Hơ Giang nói chuyện với nhau bằng lời hát: “Anh ơi, chị ơi! Chúng ta đâu phải xa vời. Chị cán thì em lười. Buôn ta cách nhau chỉ một con đồi. Bến nước chúng ta chung một dòng suối. Em đến đây không phải chuyện này, chuyện nọ. Đến thăm anh chị. Muốn trái bầu tốt phải chăm nom từ lúc nó còn non” [3, tr.39]. Nhìn vào nội dung, đây không phải là bài hát

có sẵn, mà chỉ là lời nói chuyện thông thường, nhưng người Tây Nguyên lại thêm vào giai điệu để hát. Họ dùng giai điệu để giao tiếp với nhau. Chỉ có những tâm hồn lãng mạn và tư chất âm nhạc bẩm sinh mới có khả năng ứng tác tuyệt diệu như vậy. Trong giao tiếp thông thường, trong hội hè, người ta đã hát, và họ cũng hát lên cả trong hoàn cảnh hiểm nguy: “Sau khi hang trú ẩn bị ném bom, Bin nói: Chô cha, du kích tan hoang, tan hoang, du kích tan hoang. Và cứ thế cậu vừa đi vừa hát... Nó vừa chắt chứa một nỗi niềm cay đắng, chán chường, lại vừa hóm hỉnh, khôi hài... Bin hát say sưa, tất cả chúng tôi đều hát theo” [2, tr.46]. Thường thì người ta chỉ hát lên khi trong lòng phơi phới niềm vui. Có lẽ không ở đâu, trong lúc “cay đắng chán chường”, con người vẫn hát như ở Tây Nguyên. Dường như hát là một nhu cầu bản năng: “Cái rẫy do buôn làng làm chủ, lúa chín đầy ắp. Đến rẫy mà không hát cái bụng khó chịu lắm” [3, tr.62]. Trong chiến đấu thắng lợi: hát, thất bại cũng hát; trong lao động nhọc nhằn: hát; trong tình yêu hạnh phúc: hát, đau khổ cũng hát. Tiếng hát là sự nâng nhịp của trái tim, là điệu thức của tâm hồn. Tâm hồn người Tây Nguyên trong veo như nước suối nên rất dễ rung động trước những âm thanh “róc rách” nhất, để rồi ngân lên những giai điệu thiết tha.

Qua khảo sát trên, chúng tôi thấy hầu như trong mọi cảm xúc vui buồn, người Tây Nguyên đều hát để bộc lộ tâm tình, để gửi gắm nỗi niềm. Bài hát thể hiện tình yêu quê hương, nương rẫy; thể hiện tình người cao đẹp; thể hiện lòng

cầm thù giặc và ý chí sắt đá; thể hiện niềm hân hoan vui sướng, cả những khổ đau... Và tất cả mọi người đều hát, từ em bé cho tới cụ già, từ phụ nữ cho đến thanh niên. Đối với họ, không gì có thể thay thế được lời hát trong đời sống tinh thần của mình.

Cuộc sống sẽ ngập tràn hương sắc khi âm nhạc ngự trị. Bởi vì âm nhạc có khả năng biến hiện thực thành lãng mạn, biến nỗi nhọc nhằn thành niềm vui, biến khổ đau thành hạnh phúc... Người Tây Nguyên hay hát nên họ đã sáng tạo rất nhiều nhạc cụ. Cũng như công chiêng, các loại nhạc cụ có sức lay động diệu kì, vì nó mang theo tiếng nói của thần linh: *“Thần Núi, thần Lửa, thần Nước như nhập vào cả ống lồ ô của Dối khiến tiếng T’rung khi thì rầm rập, gập gáp như rừng núi chuyển mình với hàng đàn voi đi nghiêng sườn núi; khi lại róc rách hiền hòa như tiếng suối ban mai; lúc lại líu lo lạnh lớt như như tiếng chim Kơ tia gọi mặt trời lên”* [10, tr.10]. Trong hàng trăm loại nhạc cụ ở Tây Nguyên, có thể nói đàn tơ rưng là loại nhạc cụ điển tả được nhiều âm thanh của núi rừng nhất, bởi vậy, nó là nhạc cụ phổ biến nhất. Ngoài đàn tơ-rưng thông thường, người Tây Nguyên còn sáng chế chiếc đàn tơ-rưng nước vô cùng độc đáo: *“Đàn tơ-rưng nước cũng giống như đàn tơ-rưng thường, làm bằng nhiều ống tre lồ ô, cái dài, cái ngắn khoét móp đi rất khéo, cột lại với nhau. Làm xong cái đờn, đem cột trên một hòn đá ngoài suối. Đầu cái đờn cột vào một hòn đá giữa suối, đuôi cái đờn cũng cột vào một hòn đá giữa suối, ngay chỗ nước suối đổ thẳng xuống”* [7,

tr.314]. Các dân tộc Tây Bắc lợi dụng sức nước để giã gạo, ở vùng Quảng Ngãi người ta đặt guồng nước để tưới ruộng, ở Tây Nguyên người ta dùng sức nước để tạo ra âm nhạc. Đối với người Tây Nguyên, một chiếc lá rừng bình thường họ cũng có thể biến thành nhạc cụ: *“Đôi môi anh mộng đỏ, những đôi môi lạ lòng của người Gia-rai có thể biến mọi thứ lá rừng thành những chiếc kèn có âm sắc tha thiết đến nao lòng”* [8, tr.247]. Như trong lao động và chiến đấu, trong “sự chơi” của người Tây Nguyên cũng luôn gắn chặt với rừng. Ngoài công chiêng, ít thấy người Tây Nguyên có nhạc cụ bằng kim loại mà toàn là từ những sản vật của rừng. Và cũng vì vậy mà nó chủ yếu mô phỏng âm thanh của rừng. Rừng già có bao nhiêu âm thanh thì con người cũng có bấy nhiêu nỗi niềm. Mọi nỗi niềm của con người đều được giải bày qua tiếng đàn: *“Gặp những đêm trăng sáng, hãy nín lặng mà nghe điệu ni non của cây đàn kni đang nói đầu sần lời yêu thương của chàng trai Gia Rai. Nghe tiếng thủ thi mơ hồ của sáu phụ nữ Ê-đê với sáu ống nứa của đàn đình tút. Tiếng ân cần gọi vợ giã gạo buổi sáng của cây mbuốt Mnông...”* [11]. Có thể nói, không gian núi rừng Tây Nguyên đặc quánh âm thanh của rất nhiều loại nhạc cụ. Họ không hề có lí thuyết âm nhạc, họ sáng tạo và chơi nhạc cụ bằng khả năng bẩm sinh, tức là khả năng được thần linh ban tặng, vì vậy mà sức biểu hiện của nó là vô tận: *“Chị tôi cầm ống đình yong lên thổi bụi. Rồi chị nghiêng đầu thổi. Đêm sâu hun hút gió. Tiếng đình yong chập chờn, âm thanh chuyển dần, sáng dần lên*

tựa hồ chị tôi đang đi trên rẫy lúa lúc chiều về. Tựa hồ tôi đang ngụp lặn dưới sông tìm cá. Tựa hồ bản làng đang nào nước rước Mẹ Lúa về kho...” [1, tr.274]. Chắc chắn H’Noanh không biết chút gì về nhạc lí, nếu có biết nhạc lí chưa chắc gì chị thổi đing yong hay đến vậy, bởi vì ý thức về nhạc lí đôi khi làm hạn chế khả năng hòa nhập tuyệt đối tâm trạng vào tiếng đàn, lời hát. Âm nhạc của người Tây Nguyên là một thứ âm nhạc của tự nhiên, mà tự nhiên bao giờ cũng có sức hút mạnh mẽ.

Đời sống âm nhạc chiếm một vị trí rất quan trọng đối với người Tây Nguyên và gần như là hình thức giải trí quan trọng nhất. Đối với họ, ngoài sinh hoạt lễ hội, có hai hình thức sinh hoạt chủ yếu là làm rẫy để có cái ăn vật chất và sinh hoạt âm nhạc để có “*cái ăn*” tinh thần. Với thể chất cường tráng, họ có thể lao động không ngơi nghỉ; với tâm hồn khỏe khoắn và tư chất âm nhạc bẩm sinh, họ có thể đánh đàn ca hát suốt đêm, thậm chí là suốt đời. Hơn nữa người Tây Nguyên rất ít nói bằng ngôn ngữ nên họ thường “nói” bằng âm nhạc. Âm nhạc, do đó, là một phương tiện giải bày quan trọng những cảm xúc nảy sinh trong cuộc sống. Hiểu sâu sắc tính cách này, các nhà văn đã vận dụng nó để tạo ra một nét đẹp đặc trưng của con người Tây Nguyên.

2.3. Tài điêu khắc

Ngoài khả năng âm nhạc, người Tây Nguyên còn có tài điêu khắc. Đến Tây Nguyên, người ta sẽ ngỡ ngàng trước những bức tượng nhà mồ và tượng ở nhà rông có hầu khắp các buôn làng. Các tác phẩm điêu khắc của người Tây Nguyên

không tinh xảo trong đường nét như của các dân tộc đã có được lí luận về nghệ thuật này; bởi vì cũng như khi cất nhà rông, khi làm tượng, họ chỉ dùng một dụng cụ duy nhất là chiếc rìu. Đối với người Tây Nguyên, “nghệ thuật” là một khái niệm hết sức xa lạ. Họ đẽo tượng từ sự sai khiến của thần linh, từ sự thôi thúc của tiềm thức, hay đơn giản để thỏa mãn cảm xúc dâng trào trước một sự kiện nào đó. Mỗi khu nhà mồ ở Tây Nguyên là một vườn tượng, giống như cuộc triển lãm nghệ thuật của rừng già. Những bức tượng mẹ bông con, trẻ sơ sinh trong bào thai, người ngồi bó gối hai tay bịt hai tai, người đánh trống, giã gạo, người giao hoan, các loài thú... đã làm nên một thế giới tượng gỗ vô cùng độc đáo của núi rừng Tây Nguyên.

Ở Tây Nguyên, không phải nhà rông nào cũng có tượng, nhưng hễ nhà rông nào có thì đó đều là những tác phẩm đặc biệt. Đặc biệt vì nó thường được tạo ra không phải từ *ý thức nghệ thuật* mà chúng chỉ là sự bùng lên của một khát vọng đột ngột đến vì kích thích trong một dịp thiêng liêng nào đó: “*Trong cái đêm làng cất nhà rông, không khí thiêng liêng và bí ẩn của sự kiện trọng đại đột nhiên nhập vào anh, “ám” vào anh. Anh chẳng được, anh choàng dậy, chụp lấy cái rìu, xăm xăm đi vào rừng, một mình, tìm đến đúng cây gỗ cứ như đã sinh ra tự bao giờ cho đúng cái dịp này*” [6, tr.18]. Thời gian cất nhà rông là thời gian vô cùng linh thiêng của buôn làng. Trong không khí ấy, sẽ có một người trong làng được thần linh giao sứ mệnh đẽo tượng bằng một giấc mơ, và người ấy làm theo sự chỉ

dẫn của thần. Họa sĩ Phạm Luận (*Chớp trên đỉnh Kon Tùng - Trung Trung Đỉnh*) trong một chuyến đến làng Đê Chơ Rang đã bị mê hoặc bởi một bức tượng đặt ở nhà rông của làng, ông nhờ tác giả (Kơ Tít) làm cho một cái như vậy, thế là Kơ Tít dùng dùng nỗi giận: “*Chú nói tâm bậy tâm bạ. Tui ưng thì tui làm. Thần linh mách tui làm chớ chú tâm bậy quá, sao biểu tui làm*” [1, tr.255]. Vậy đó, nghệ thuật điêu khắc Tây Nguyên là cả một sự bí ẩn, kì diệu. Sức hút của nó cũng chính từ đó chăng? Đến với nghệ thuật bằng cái nhìn khoa học hay là bằng lí trí tinh táo đôi khi ta khó cảm nhận hết chiều sâu cũng như sự độc đáo của nó. Cần có một chút “ngây thơ” nào đó trong tâm hồn mới có thể tiếp nhận tác phẩm một cách tinh tế nhất. Đối với việc thưởng thức nghệ thuật điêu khắc Tây Nguyên, điều này càng cần thiết. Nghệ thuật Tây Nguyên là một thứ nghệ thuật hồn nhiên, vì họ không phải là nghệ sĩ chuyên nghiệp: “*Ở Tây Nguyên không có nghệ sĩ chuyên nghiệp. Người ta không làm nghệ thuật. Nghệ thuật tuyệt đối không phải là một nghề. Nghệ thuật là đời sống, cách sống, thể thơ. Là hơi thở, là không khí*” [6, tr.17]. Có lẽ do không có nghệ sĩ chuyên nghiệp nên mọi người Tây Nguyên đều có thể là nhà điêu khắc, bởi vì mọi thiếu niên lớn lên đều phải học đan lát và đẽo tượng.

Ở đâu cũng vậy, nghệ thuật bao giờ cũng mang hơi thở của cuộc sống, nhất là những khi người sáng tạo không xuất phát từ ý thức nghệ thuật mà từ nhu cầu tự thân của cuộc sống. Nghệ thuật tạc tượng cũng như nhiều loại hình nghệ

thuật khác ở Tây Nguyên chứa bao nhiêu điều kì bí, nhưng cơ bản nó vẫn thể hiện tâm tư tình cảm của con người nơi đây. Đó là giây phút trầm tư của con người: “*Tôi bỏ cần rượu ông Núp vừa trao, nhìn lên và sừng sốt: một bức tượng tuyệt diệu! Bên dưới là cái bệ đỡ hình nón đặt ngược, trên đó là một con khỉ - hay một con người - ngồi chồm hổm, hai tay chống cằm, hai gò má cao, đôi mắt trắng dã đăm đăm nhìn vào cõi không cùng*” [7, tr.12]. Đó là nỗi đau thế sự: “*Bức tượng thoạt nhìn thật giản dị, thô sơ. Từ phần ngực trở xuống chỉ là một khối gỗ tròn đều vạc đơn sơ. Nhưng khuôn mặt... Tôi đã rùng mình khi ngược nhìn gương mặt đau khổ với những giọt nước mắt to, nặng chảy dài trên thớ gỗ*” [9, tr.151]... Điểm đáng chú ý của điêu khắc Tây Nguyên là không tả thực mà chỉ tả thần thái của nhân vật, những ràng buộc về chức năng tôn giáo chỉ mang tính tương đối, chỉ có khoái cảm bản nguyên mới tràn ngập cho nên họ không cần hình mẫu, say sưa thể hiện thể hiện mạch cảm xúc cho đến lúc hoàn thành tác phẩm. Cùng với nghệ thuật điêu khắc Chăm Pa, điêu khắc trong các công trình xây dựng ở Bắc Bộ; điêu khắc nhà rông, nhà mồ Tây Nguyên là nền điêu khắc lớn, nhưng điểm khác của điêu khắc Tây Nguyên là ở tính độc đáo và kì lạ mang nhiều màu sắc huyền thoại của nó.

3. Kết luận

Trong những trang viết về miền núi phía Bắc của Tô Hoài, tác giả cũng rất chú ý khai thác chất nghệ sĩ của các tộc người thông qua những bài hát, tiếng sáo trong “*Truyện Tây Bắc*”. Chúng ta cũng

thấy được chất tài tử của con người Nam Bộ trong tác phẩm của Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc, Trần Kim Trắc... Tuy nhiên so với các tác phẩm về Tây Nguyên, những con người nghệ sĩ ấy không phong phú, đậm đặc bằng. Thế giới nghệ thuật của những tác phẩm văn xuôi Tây Nguyên không thể thiếu những bài hát cũng như âm thanh của rất nhiều loại nhạc cụ, không thể thiếu những bức tượng nhà mồ độc đáo. Bởi vì đời sống của người Tây Nguyên không thể thiếu

những cuộc chơi bất tận, không thể thiếu âm thanh của tiếng đàn tiếng hát luôn vang lên trong buôn làng, rừng núi. Họ cũng thường xuyên có những giây phút bùng phát của kí ức cộng đồng và cá nhân để rồi thể hiện điều đó trong những pho tượng gỗ giản dị ở đường nét nhưng sâu sắc trong giá trị biểu hiện... Con người Tây Nguyên, do đó, luôn đậm đặc chất tài tử. Họ là những nghệ sĩ Tây Nguyên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trung Trung Đĩnh (2002), *Đêm nguyệt thực*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
2. Trung Trung Đĩnh (2006), *Lạc rừng, Ngõ lối thung*, Nxb Văn học, Hà Nội.
3. Y Điêng (1978), *Hơ Giang*, Nxb TP Hồ Chí Minh.
4. Dambo (2003), *Miền đất huyền ảo*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
5. Jacques Dournes (2002), *Rừng, đàn bà, điên loạn*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
6. Nguyễn Ngọc (2005), *Tản mạn nhớ và quên*, Nxb Văn nghệ, TP Hồ Chí Minh.
7. Nguyễn Ngọc (1999), *Tháng Ninh Nông*, Nxb Đà Nẵng.
8. Nguyễn Ngọc (2006), *Tác phẩm chọn lọc*, Nxb Văn học, Hà Nội.
9. Nhiều tác giả (1998), *Tuyển tập văn học dân tộc và miền núi*, (7 tập), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
10. Đỗ Tiến Thụy (1998), “Tiếng Torung làng Tráp”, *Tạp chí Văn nghệ*, (12), tr. 8-12.
11. http://www.linhnganiekdam.vn/index.php/truyen_ngan_linh_nga

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 29-01-2013; ngày phản biện đánh giá: 04-3-2013;
ngày chấp nhận đăng: 20-5-2013)